

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819701] - Trang bị diện trong
máy cắt kim loại (CCQ2303A)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt:.....

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123030009	Nguyễn Tuấn	Anh	07/11/2005	CCQ2303A		<i>Anh</i>	8,7	9,0	8,9
2	2123030035	Kiều Lê Duy	Bảo	18/04/2005	CCQ2303A		<i>Bảo</i>	7,1	8,2	7,8
3	2123030018	Từ Quốc	Du	12/10/2005	CCQ2303A		<i>Du</i>	7,8	8,0	7,9
4	2123030007	Bùi Cao Nguyên	Dũ	11/11/2004	CCQ2303A		<i>B</i>	6,0	6,0	6,0
5	2123030006	Trịnh Hoàng Công	Đức	27/02/2005	CCQ2303A		<i>A</i>	7,9	5,0	6,2
6	2123030021	Nguyễn Ngọc	Dũng	03/03/2005	CCQ2303A		<i>Du</i>	7,0	5,0	5,8
7	2123030004	Thái Hải	Dương	29/12/2005	CCQ2303A		<i>Vương</i>			
8	2123030015	Mai Xuân	Hào	05/11/2005	CCQ2303A		<i>Hào</i>	7,9	8,5	8,3
9	2123030227	Đặng Đình	Hiếu	10/08/2005	CCQ2303A		<i>Hiếu</i>	7,4	7,0	7,2
10	2123030010	Vương Trung	Hội	20/01/2005	CCQ2303A		<i>Vương</i>	5,0	0,0	
11	2123030025	Trần Khang	Hy	23/01/2002	CCQ2303A		<i>Vương</i>	2,0	0,0	0,8
12	2123030005	Trần Khải	Long	07/04/2005	CCQ2303A		<i>K</i>	5,8	8,0	7,1
13	2123030011	Trần Nhật	Long	08/05/2005	CCQ2303A		<i>Long</i>	7,4	6,0	6,6
14	2123030026	Trần Ngọc	Lực	30/11/2004	CCQ2303A		<i>Lực</i>	6,5	6,0	6,2
15	2123030024	Châu Đặng	Phú	02/08/2005	CCQ2303A		<i>Phú</i>	6,4	6,0	6,2
16	2123030199	Nguyễn Thanh	Phúc	15/12/2005	CCQ2303A		<i>u</i>	8,6	9,5	9,1
17	2123030023	Phan Thiên	Phước	02/05/2005	CCQ2303A		<i>phước</i>	5,5	8,0	7,0
18	2123030197	Trịnh Như	Quỳnh	14/04/2005	CCQ2303A		<i>Vũ</i>			
19	2123030014	Võ Đình	Sơn	23/07/2005	CCQ2303A		<i>Sơn</i>	7,0	8,5	7,9
20	2123030033	Phan Nguyễn Quan	Tâm	29/12/2004	CCQ2303A		<i>Quan</i>	5,0	5,0	5,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22819706] - Trang bị điện trong
máy cắt kim loại (CCQ2303F)

CBGD: Nguyễn Khoa Đồng Khánh (110002)

Số SV có mặt: 16...

Số bài thi:16...

Số tờ giấy thi: 16...

Thầy Nguyễn Khoa Đồng Khánh
Thầy Lê Hoàng
Thầy Lê Hoàng
Thầy Lê Hoàng

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2123030213	Trần Công Trường An	22/04/2005	CCQ2303F			6,0	7,0	6,6
2	2123030187	Lê Xuân Hoàng Anh	21/03/2005	CCQ2303F			3,5	7,5	5,9
3	2123030216	Chau Sô Dinl	10/12/2004	CCQ2303F			7,2	7,0	7,1
4	2123030194	Lang Tiên Dũng	06/08/2005	CCQ2303F			4,8	8,2	6,8
5	2123030220	Nguyễn Tấn Dũng	26/02/2005	CCQ2303F			7,7	9,0	8,5
6	2123030206	Châu Khánh Hòa	06/09/2005	CCQ2303F			1,0	0,0	0,4
7	2123030191	Lê Tuấn Kiệt	26/08/2004	CCQ2303F			8,0	8,5	8,3
8	2123030190	Đặng Phúc Kính	20/03/2005	CCQ2303F			9,2	9,3	9,3
9	2123030181	Trịnh Xuân Long	02/10/2004	CCQ2303F			6,3	8,0	7,3
10	2123030182	Trần Phương Nam	01/04/2005	CCQ2303F			6,7	7,0	6,9
11	2123030212	Lê Việt Nhân	08/04/2005	CCQ2303F					
12	2123030217	Ly Sa Phương	01/02/2005	CCQ2303F			8,3	8,4	8,4
13	2123030214	Nguyễn Tiến Quang	05/05/2005	CCQ2303F			8,7	9,5	9,2
14	2123030186	Võ Hoàng Thành	04/02/2005	CCQ2303F					
15	2123030219	Nguyễn Thanh Thảo	15/06/2005	CCQ2303F			7,9	8,5	8,3
16	2123030221	Nguyễn Văn Hoàng Thi	17/11/2005	CCQ2303F			8,5	9,3	9,0
17	2123030228	Nguyễn Trường Thọ	30/01/2005	CCQ2303F			6,5	4,0	5,0
18	2123030196	Đinh Quang Thường	17/06/2005	CCQ2303F			5,6	7,0	6,4
19	2123030180	Nguyễn Quang Trí	11/06/2005	CCQ2303F			2,4	0,0	1,0
20	2123030211	Hồ Chín Triệu	08/10/2005	CCQ2303F			5,3	6,5	6,0